

Bản án số: 34/2019/HS-ST
Ngày 21-10-2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trung Thông.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Quốc Linh và ông Dương Văn Nha.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bính - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Can Lộc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Can Lộc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lê Na - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Can Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HS ngày 09/10/2019 đối với bị cáo:

- *Họ và tên:* Bùi Văn Q; *tên gọi khác:* Không; *sinh ngày:* 28/4/1997; *nơi sinh:* Xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; *nơi cư trú:* Xóm T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; *nghề nghiệp:* Lao động tự do; *trình độ văn hoá:* 9/12; *dân tộc:* Kinh; *giới tính:* Nam; *tôn giáo:* Không; *quốc tịch:* Việt Nam; *con ông* Bùi Văn S và bà Nguyễn Thị Ngụ (đã chết); *vợ con:* Chưa; *tiền án, tiền sự:* Không; *bị cáo bị tạm giữ từ ngày* 16/7/2019 *đến ngày* 18/7/2019 *chuyển tạm giam cho đến nay;* có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

+ Anh Võ Quốc A; *sinh năm:* 1972; *địa chỉ:* Xóm T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

+ Anh Nguyễn Văn H; *sinh năm:* 1978; *địa chỉ:* Xóm Tây Hồ, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị V; *sinh năm:* 1993; *địa chỉ:* Khối 2 Nam Sơn, thị trấn Nghèn, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

+ Chị Võ Thị Anh L; *sinh năm:* 1985; *địa chỉ:* Xóm T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Lê Sỹ L; *sinh năm:* 2001; *địa chỉ:* Xóm Làng Chùa, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

+ Anh Lê Hữu T; sinh năm: 1984; địa chỉ: Khối 3, thị trấn Nghèn, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Đình L; sinh năm: 1982; địa chỉ: Khối 6, thị trấn Nghèn, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Sỹ H; sinh năm: 1991; địa chỉ: Xóm 9, xã Vượng Lộc, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

+ Anh Lê Văn Y; sinh năm: 1992; địa chỉ: Thôn 6, xã B, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

+ Ông Bùi Văn S; sinh năm: 1969; địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

+ Anh Nguyễn Xuân H; sinh năm: 1988; địa chỉ: Thôn Kiều Mộc, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 03 giờ ngày 4/6/2019, Q vào nhà anh Võ Quốc A sinh năm 1972 ở xóm T, xã T, huyện C lấy trộm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α màu đen bạc, BKS 38C1- 310.90 sau đó đem xuống xã B, huyện L bán cho anh Lê Văn Y sinh năm 1992 trú tại thôn 6, xã B, huyện L với giá 2.500.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng 02 giờ ngày 24/6/2019, Q đột nhập vào nhà anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1978 ở xóm Tây Hồ, xã T lấy trộm 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng, sau đó Q đem đến cửa hàng điện thoại di động K Lam ở thị trấn Nghèn, C cầm cố cho anh Nguyễn Đình L (chủ quán) sinh năm 1982 trú tại khối 6, thị trấn Nghèn, huyện C được 900.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào khoảng 03 giờ ngày 01/7/2019 Q lên vào nhà chị Nguyễn Thị V sinh năm 1993 ở khối 2, thị trấn Nghèn, huyện C lấy trộm 02 chiếc điện thoại di động (01 điện thoại Samsung J600 màu tím và 01 điện thoại Samsung J7 Prime). Sau đó đem chiếc điện thoại Samsung J600 đến cửa hàng điện thoại Trung Táo ở thị trấn Nghèn, huyện C bán cho anh Lê Hữu T (chủ quán) sinh năm 1984 trú tại khối 3, thị trấn Nghèn, huyện C với giá 1.500.000 đồng. Còn chiếc điện thoại Samsung J7 Prime Q đem đến cửa hàng điện thoại di động K Lam ở thị trấn Nghèn, huyện C cầm cố cho anh Nguyễn Đình L với giá 600.000 đồng.

Lần thứ tư: Vào khoảng 24 giờ ngày 06/7/2019, Bùi Văn Q đi chơi về qua nhà chị Võ Thị Anh L, sinh năm 1985 ở xóm T, xã T, huyện C thấy cửa trong nhà không khóa nên Q trèo qua tường rào đi thẳng vào phòng ngủ đang đổ đèn lấy trộm được 01 chiếc ĐTDĐ Nokia 1280 màu đen và 01 chiếc ĐTDĐ Samsung Note 9 màu nâu để ở trên giường. Sau đó Q mở tủ quần áo trong phòng ngủ thấy 01 chiếc túi xách màu đen bên trong có 01 số giấy tờ và khoảng

600.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Q đã lấy tiền cùng 02 chiếc điện thoại và đi về nhà ngủ. Đến sáng ngày hôm sau, Q đem chiếc điện thoại Samsung Note 9 đến cửa hàng điện thoại Hoàng Thái ở thị trấn Nghèn, C bán cho anh Nguyễn Xuân H (chủ cửa hàng) sinh năm 1991 trú tại xã K, huyện C với giá 4.000.000 đồng, còn chiếc điện thoại Nokia 1280 Q để sử dụng.

Ngoài ra, vào khoảng 03 giờ ngày 22/6/2019 Q còn đột nhập vào nhà anh Lê Sỹ L sinh năm 2001 ở xóm T, xã T, huyện C lấy trộm 01 điện thoại Samsung J610 màu xanh, sau đó Q đem xuống quán điện thoại Huy Hoàng ở thị trấn Nghèn, C bán cho anh Nguyễn Sỹ H (chủ quán) sinh năm 1991 trú tại thôn 9, xã Vượng Lộc, huyện C với giá 1.000.000 đồng.

Tất cả số tiền bán tài sản và số tiền trộm cắp được, Q đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Bản kết luận định giá số 15 ngày 25/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C xác định: 01 (một) điện thoại di động Samsung Note 9, màu nâu đã qua sử dụng trị giá 10.000.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động Nokia 1280 màu đen đã qua sử dụng trị giá 200.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động Iphone 6 plus, màu vàng đã qua sử dụng trị giá 3.500.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động Samsung J610, màu xanh đã qua sử dụng trị giá 1.800.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động Samsung J7 Prime, màu đen đã qua sử dụng trị giá 2.000.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động Samsung J600, màu tím đã qua sử dụng trị giá 2.500.000 đồng; 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , màu đen bạc đã qua sử dụng trị giá 10.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị can chiếm đoạt là 30.000.000 đồng.

Số tiền mà Q chiếm đoạt được là 600.000 đồng tiền NHNN Việt Nam. Tổng giá trị tài sản và tiền mà Q chiếm đoạt được của các bị hại là 30.600.000 đồng (Ba mươi triệu sáu trăm ngàn đồng).

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã thu giữ:

01 chiếc điện thoại di động Nokia 1280 màu đen đã qua sử dụng kèm theo thẻ sim số 0799.083.468 (do Bùi Văn Q giao nộp) và 01 chiếc điện thoại di động cảm ứng Samsung Note 9 màu nâu đã qua sử dụng (do Nguyễn Xuân H giao nộp) đã trả lại cho chị Võ Thị Anh L.

01 chiếc điện thoại di động cảm ứng Samsung J600 màu tím đã qua sử dụng (do Lê Hữu T giao nộp) đã trả lại cho chị Nguyễn Thị V.

01 (một) chiếc xe mô tô Honda Wave α màu sơn đen bạc, số khung 3907HY786639, BKS 38C1- 310.90 kèm theo chìa khóa vận hành (do Lê Văn Y giao nộp) đã trả lại cho anh Võ Quốc A.

01 chiếc điện thoại di động cảm ứng Samsung J610 màu xanh đã qua sử dụng (do Nguyễn Sỹ H giao nộp) đã trả lại cho anh Lê Sỹ L.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 6 plus màu vàng của bị hại Nguyễn Văn H và chiếc điện thoại Samsung J7 Prime của bị hại Nguyễn Thị V. Sau khi trộm

cấp được Q đem đến cầm cầm cho anh Nguyễn Đình L. Sau khi nhận cầm cầm nhưng đến hạn không thấy Q đến chuộc lại nên anh Lam đã bán cho khách không quen biết. Do vậy, cơ quan điều tra không thu hồi lại được.

Vấn đề dân sự: Bị cáo đã nhờ bố đẻ của mình là ông Bùi Văn S bồi thường cho bị hại chị Nguyễn Thị V 2.000.000 (giá trị chiếc điện thoại Samsung J7 Prime bị chiếm đoạt); Người bị hại Nguyễn Văn H không yêu cầu bị cáo bồi thường chiếc Điện thoại đã bị chiếm đoạt mà không thu hồi được. Các bị hại sau khi nhận lại tài sản và tiền bồi thường đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bồi thường cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (những người mua tài sản do Q bán, đến nay tài sản họ đã giao nộp cho CQĐT), cụ thể: Anh Nguyễn Xuân H số tiền 4.000.000 đồng; Lê Hữu T 1.500.000 đồng; Nguyễn Sỹ H 1.000.000 đồng; Lê Văn Y 2.500.000 đồng.

Với hành vi trên, Cáo trạng số 32/CT – VKSCL-HS ngày 16/9/2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Bùi Văn Q về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày nội dung vụ án như lời trình bày của bị cáo và nội dung bản cáo trạng; không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm về mặt dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ông Bùi Văn S là bố của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét khoản tiền đã thay bị cáo bồi thường cho những người bị hại mà hai bên sẽ tự thỏa thuận giải quyết sau khi bị cáo chấp hành án xong.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Văn Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; tiết thứ hai điểm b, tiết thứ nhất điểm s, điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Bùi Văn Q mức án từ 10 năm đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 16/7/2019. Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 điều 47 BLHS truy thu từ bị cáo để sung quỹ Nhà nước số tiền 600.000 đồng (đây là số tiền trộm của chị Võ Thị Ánh L- nay chị Luyến không yêu cầu trả lại) và 900.000 đồng (là số tiền cầm cầm điện thoại của anh Hoàn- anh Hoàn chưa nhận lại tài sản và cũng không có yêu cầu gì).

Bị cáo nói lời sau cùng thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có tranh luận gì với luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi và quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát

nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và các chứng cứ khác có tại hồ sơ, như vậy đủ cơ sở kết luận: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, trong tháng 6 và đầu tháng 7/2019, Bùi Văn Q đã 4 lần trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 03 giờ ngày 04/6/2019 lấy trộm của anh Võ Quốc A ở xóm T, xã T, huyện C 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , màu đen bạc, BKS 38C1- 310.90 trị giá 10.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng 02 giờ ngày 24/6/2019 lấy trộm của anh Nguyễn Văn H ở xóm Tây Hồ, xã T, huyện C 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng trị giá 3.500.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào khoảng 03 giờ ngày 01/7/2019 lấy trộm của chị Nguyễn Thị V ở khối 2, thị trấn Nghèn, huyện C 01 chiếc điện thoại Samsung J600, màu tím trị giá 2.500.000 đồng và 01 chiếc điện thoại Samsung J7 Prime màu đen trị giá 2.000.000 đồng.

Lần thứ tư: Vào khoảng 24 giờ ngày 06/7/2019 lấy trộm của chị Võ Thị Anh L ở xóm T, xã T, huyện C 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 màu đen trị giá 200.000 đồng; 01 chiếc điện thoại Samsung Note 9 màu nâu trị giá 10.000.000 đồng và 600.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam

Tổng tài sản mà Q chiếm đoạt là: 28.800.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo Bùi Văn Q lợi dụng sơ hở lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có tổng trị giá 28.800.000 đồng đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó việc truy tố, xét xử bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, gây hoang mang, lo lắng trong nhân dân nên cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo 04 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản và đều đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã nhờ bố đẻ trả lại tiền nhằm khắc phục hậu quả cho những người bị hại, bị cáo tự nguyện khai

báo về hành vi phạm tội của mình trước khi bị phát hiện, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các Điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng” do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, không có thu nhập, đang ở cùng với gia đình, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Trong vụ án này có Nguyễn Xuân H, Lê Hữu T, Nguyễn Sỹ H, Nguyễn Đình L, Lê Văn Y là những người mua tài sản do bị cáo đến bán nhưng quá trình mua không biết nguồn gốc tài sản do trộm cắp mà có nên hành vi của họ không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện C không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi này là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu về mặt dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về biện pháp tư pháp: Số tiền 600.000 đồng bị cáo đã chiếm đoạt của chị Võ Thị Anh L và số tiền 900.000 đồng bị cáo cầm cố chiếc Điện thoại di động lấy trộm của anh Nguyễn Văn H cho anh Nguyễn Đình L. Chị Luyến, anh Hoàn không yêu cầu lấy lại sản. Tuy nhiên đây là số tiền thu lợi bất chính của bị cáo nên cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

[11] Về xử lý vật chứng: Vật chứng vụ án Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu trong quá trình điều tra nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b khoản 1 Điều 47

của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 3; khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 và mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

3. Về hình phạt chính: Xử phạt Bùi Văn Q 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 16/7/2019.

4. Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Bùi Văn Q nộp số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn) đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

5. Về án phí: Bị cáo Bùi Văn Q phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện C;
- Cơ quan cảnh sát điều tra và Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện C;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS; VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Trung Thông